

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 22 -8- 2022

V/v tranh chấp: “Chia tài sản
chung trong thời kỳ hôn nhân”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: + Bà Hoàng Thị Thơ;

+ Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2022 về tranh chấp “Chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 95/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Điều N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã Gò Công, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Đức T1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 10 N, khu phố x, phường 2, thị xã Gò Công, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn- Luật sư Trần Ngọc Quang thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Lê Thị C, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã Gò Công, Tiền Giang.

3.2 Nguyễn Đức T2, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã Gò Công, Tiền Giang.

3.3 Nguyễn Đức T3, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã Gò Công, Tiền Giang.

Người làm chứng: Lê Văn T4, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp H, xã L, thị xã Gò Công, Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Lê Đức Toàn.

(.....)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm nguyên đơn Lê Thị Điều N trình bày:*

Chị và anh T1 sống chung với nhau từ năm 2000 và được Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, thị xã Gò Công cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2002. Năm 2020, anh chị ly hôn theo Bản án số 113/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 4 năm 2020.

Thời gian chung sống, do anh T1 thường xuyên gây nợ nần, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên nên ngày 31 tháng 12 năm 2009, anh T4 là anh ruột chị N làm thủ tục tặng cho cá nhân chị phần đất thửa 2521 diện tích 315m²; ngày 12 tháng 7 năm 2010, chị được Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0051; 2010 anh T4 thấy hoàn cảnh của chị quá khó khăn nên cho cá nhân chị mượn số tiền 270.000.000 đồng để xây nhà, sau đó anh T4 đồng ý cho hần chị 100.000.000 đồng, còn lại 170.000.000 đồng thì hiện vẫn còn nợ anh T4.

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, chị được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số mới là CH02113, diện tích 332.7m² gồm 100m² đất thổ và 232.7m² đất trồng cây lâu năm.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02113 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp ngày 21 tháng 4 năm 2015 cho chị đứng tên, diện tích 332.7m² gồm 100m² đất thổ và 232.7m² đất trồng cây lâu năm là của cá nhân chị;

+ Công nhận căn nhà: Xây năm 2010. Cấu trúc: Cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic, mái tole. Diện tích: 186m² trên thửa đất 241 là của cá nhân chị.

+ Mái che nhà chính: Xây năm 2010. Cấu trúc: Mái tole. Diện tích: 21m². Nhà kho: Cấu trúc: Cột xi măng, vách tường, nền gạch bông, mái tole. Diện tích: 10.92m². Là của anh Tâm con chị nên không tranh chấp.

+ Mái ăm: Cấu trúc: Cột xi măng, vách tường, nền xi măng, mái tole. Diện tích: 39.6m² và Nhà từ thiện: Cấu trúc: Cột xi măng, vách tường, nền gạch bông, mái tole. Diện tích: 42.91m² là của bà Lê Thị C nên không tranh chấp.

+ Hồ chứa nước: 03 cái của chị N. Thử tích: loại 50 đôi, 01 bộ ghế salon, 01 tủ thờ, 02 giường, 03 tivi, 01 tủ lạnh bị hư, 01 cái bàn bằng dán ép, 01 bàn thờ, 01 bàn cửu quyền, 01 bếp ga, 03 mái chứa nước, 02 chiếc xe mô tô biển số 63H3-7696 chị quản lý và 63S3-1292 anh T1 đã quản lý, 01 cây cảnh trồng trên chậu. Đây là tài sản chung của chị với anh T1. Chị không tranh chấp và đồng ý chia hết số tài sản này cho anh T1. Đề nghị anh T1 lấy tài sản này ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn Nguyễn Đức T1 trình bày:*

Thửa đất 241 nếu cơ quan Nhà nước công nhận là của chị N thì anh không ý kiến.

Về căn nhà chính và mái che là tài sản chung của vợ chồng. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nhà kho là của cháu Tâm, tole lợp trên nhà kho là của anh nên tháo trả lại anh.

Nhà từ thiện là của bà Cúc, tole lợp trên nhà là của anh trả lại anh. Trước khi xây nhà kiên cố thì anh có tháo dỡ 03 cây đòn tay, 05 tấm tole sắt, 04 trụ sạp cho bà Cúc xây nhà.

02 chiếc xe mô tô, 01 bộ ghế salon, 01 tủ thờ, 02 giường, 03 tivi, 01 tủ lạnh bị hư hỏng, 01 bàn bằng dán ép, 01 bàn thờ, 01 bàn cửu quyền, 01 bếp ga, 03 mái chứa nước, 03 hồ chứa nước, 02 chiếc xe mô tô và cây cảnh. Là tài sản chung, anh yêu cầu được hưởng toàn bộ.

Anh T1 cho rằng thời gian chung sống với chị N anh gây nợ nần, chị N phải trả nợ thay cho anh; khi chị N sinh cháu Tâm và cháu Thiện thì vợ chồng phải về bên gia đình chị N để sinh sống, vợ chồng mua vật tư để chuẩn bị xây nhà thì mẹ anh không đồng ý và anh đã bán hết vật tư đó để lấy tiền sài; vợ chồng anh cũng có một thửa đất ở Tân Đông và anh đã sang nhượng lấy tiền chi tiêu; anh biết việc anh T4 có cho vay tiền nhưng chỉ biết số tiền 180.000.000 đồng trong đó anh lấy 20.000.000 đồng sử dụng cho cá nhân, số nợ 160.000.000 đồng còn lại đến nay chưa trả, nợ tiền anh T4 chị N vay xây nhà thì tự chị chịu, tự chị N trả.

** Anh Nguyễn Đức T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Nhà kho và mái che là của anh nên yêu cầu được tiếp tục sử dụng;

** Bà Lê Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Nhà từ thiện là của bà nên yêu cầu được tiếp tục sử dụng. Anh T1 và chị N lúc tháo dỡ nhà cũ có bỏ mấy tấm tole ra cho bà để bà lợp nhà nhưng sau này bà xây nhà mới nên đã bỏ hết tole cũ bị hư.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ các điều 26, 28, 35, 39, 92, 147 Bộ Luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 59, 62 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 223 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Điều N:

1. Công nhận:

+ Thừa đất số 241, tờ bản đồ số 13, đất ONT+CLN, diện tích 332.7m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02113 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21 tháng 4 năm 2015 cho chị Lê Thị Điều N đứng tên tại Ấp H, xã L, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Vị trí:

Đông giáp Nguyễn Văn Hiền số đo 20.03m, 22.28m;

Tây giáp đất Lê Văn T4 số đo 44.86m;

Nam giáp đường đá số đo 7.50m;

Bắc giáp đường bê tông số đo 8.07m.

Có sơ đồ kèm theo

+ 01 căn nhà chính: Cấu trúc: Cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic, mái tole. Diện tích: 186m² trên thửa đất số 241, tờ bản đồ số 13, đất ONT+CLN, diện tích 332.7m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02113 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21 tháng 4 năm 2015 cho chị Lê Thị Điều N đứng tên tại Ấp H, xã L, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Là tài sản của chị Lê Thị Điều N.

2. Về tài sản chung:

- 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 63H3-7696, 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 63S3-1292, 01 bộ ghế salon, 01 tủ thờ, 02 giường, 02 tivi hiệu Sony và 01 tivi hiệu LG, 01 tủ lạnh hiệu Panasonic bị hư hỏng, 01 bàn băng dán ép, 01 bàn thờ, 01 bàn cửu quyền, 01 bếp ga hiệu Linine, 03 mái chứa nước, 03 hồ chứa nước loại 50 đôi, 01 cây cảnh trồng trên chậu.

Là tài sản chung của chị Lê Thị Điều N và anh Nguyễn Đức T1.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Điều N chia cho anh Nguyễn Đức T1: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 63H3-7696, 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát

63S3-1292 , 01 bộ ghế salon, 01 tủ thờ, 02 giường, 02 tivi hiệu Sony và 01 tivi hiệu LG, 01 tủ lạnh hiệu Panasonic bị hư hỏng, 01 bàn bằng dán ép, 01 bàn thờ, 01 bàn cửu quyền, 01 bếp ga hiệu Linine, 03 mái chứa nước, 03 hồ chứa nước loại 50 đôi, 01 cây cảnh trồng trên chậu.

Chị Lê Thị Điều N có nghĩa vụ giao cho anh Nguyễn Đức T1: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 63H3-7696, 01 bộ ghế salon, 01 tủ thờ, 02 giường, 02 tivi hiệu Sony và 01 tivi hiệu LG, 01 tủ lạnh hiệu Panasonic bị hư hỏng, 01 bàn bằng dán ép, 01 bàn thờ, 01 bàn cửu quyền, 01 bếp ga hiệu Linine, 03 mái chứa nước, 03 hồ chứa nước loại 50 đôi, 01 cây cảnh trồng trên chậu. Ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Đức T1 có nghĩa vụ di dời tài sản này ra khỏi thửa đất 241 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

* Ngày 24/03/2022, bị đơn Nguyễn Đức T1 có đơn kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Nguyễn Đức T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn Lê Thị Điều N không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh T1, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Phần đất tranh chấp do ai cho, cho ai và cho trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng, khoảng nợ trong thời kỳ hôn nhân chưa được làm rõ, để giải quyết toàn diện vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án giao về cấp sơ thẩm xét xử lại chia đôi nợ chưa chia, nếu không đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi toàn bộ tài sản của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đức T1, nghe các bên đương sự trình bày trước tòa. Qua tranh luận và nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Lê Thị Điều N khởi kiện bị đơn Nguyễn Đức T1 yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung, yêu cầu xác lập quyền sở hữu theo hợp đồng*” là chưa phù hợp, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân*” theo quy định tại Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn Lê Thị Điều N khởi kiện bị đơn Nguyễn Đức T1 là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Đức T1 đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung kháng cáo: Anh Nguyễn Đức T1 kháng cáo yêu cầu được chia tài sản chung là căn nhà.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh T1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị N khai nguồn gốc tiền xây nhà là do anh T4, anh của chị cho vay và hỗ trợ, nhà xây năm 2010 với chi phí là 270.000.000 đồng và sau đó chị sửa chữa, xây thêm nên mới có giá như Hội đồng định giá đã định.

Anh T4 có bản khai cho rằng tiền xây nhà là của anh cho chị N vay 270.000.000 đồng nhưng chị N khó khăn nên anh tặng cho chị 100.000.000 đồng còn 170.000.000 đồng đến nay chị N chưa hoàn trả lại cho anh. Anh không cho anh T1 số tiền này vì anh thấy chị N không thể sống bên chồng nên muốn giúp đỡ em gái.

Anh T1 cho rằng nhà là tài sản chung của anh và chị N tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nhưng chính anh T1 thừa nhận là chưa ly hôn, anh chị đã ăn riêng, anh gây nợ chị N phải trả nợ thay cho anh; chỉ có vài tấm tole, cột sạp, đòn tay từ thời anh chị mới sinh cháu Tâm, cháu Toàn là của cha mẹ anh cho vợ chồng anh để xây nhà đầu tiên và hiện nay nhà này không còn và 01 thửa đất chung ở Tân Đông anh T1 đã bán. Ngoài ra anh T1 không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện anh T1 có đóng góp để xây dựng căn nhà mà anh yêu cầu chia, hơn nữa tại bản tường trình ngày 18/8/2022 anh có trình bày: Tôi không lấy gì về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân anh tạo ra hay bên vợ cho, anh để lại cho các con anh đồng thừa hưởng, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T1.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[6] Xét lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Đức T1.

Giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 31/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Căn cứ các điều 26, 28, 35, 39, 92, 147 Bộ Luật tổ tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 38, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 223 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Điều N:

1. Công nhận:

+ Thừa đất số 241, tờ bản đồ số 13, đất ONT+CLN, diện tích 332.7m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02113 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21 tháng 4 năm 2015 cho chị Lê Thị Điều N đứng tên tại Ấp H, xã L, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Vị trí:

Đông giáp Nguyễn Văn Hiền số đo 20.03m, 22.28m;

Tây giáp đất Lê Văn T4 số đo 44.86m;

Nam giáp đường đá số đo 7.50m;

Bắc giáp đường bê tông số đo 8.07m.

Có sơ đồ kèm theo

+ 01 căn nhà chính: Cấu trúc: Cột bê tông, vách tường, nền gạch ceramic, mái tole. Diện tích: 186m² trên thửa đất số 241, tờ bản đồ số 13, đất ONT+CLN, diện tích 332.7m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02113 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21 tháng 4 năm 2015 cho chị Lê Thị Điều N đứng tên tại Ấp H, xã L, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Là tài sản của chị Lê Thị Điều N.

2. Về tài sản chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh T1 như sau: Giao cho anh T1 được sở hữu toàn bộ tài sản chung gồm:

01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 63H3-7696, 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 63S3-1292, 01 bộ ghế salon, 01 tủ thờ, 02 giường, 02 tivi hiệu Sony và 01 tivi hiệu LG, 01 tủ lạnh hiệu Panasonic bị hư hỏng, 01 bàn bằng dán ép, 01 bàn thờ, 01 bàn cửu quyền, 01 bếp ga hiệu Linine, 03 mái chứa nước, 03 hồ chứa nước loại 50 đôi, 01 cây cảnh trồng trên chậu, anh T1 có trách nhiệm chuyển toàn bộ tài sản nêu trên ra khỏi nhà và thửa đất 241 khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

Chị Lê Thị Điều N chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Lê Thị Điều N đã nộp tạm ứng tại biên lai số 0019432 ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Lê Thị Điều N đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Đức T1 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006715 ngày 25/3/2022 xem như đã nộp xong án phí.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị Điều N chịu 2.707.916 đồng (*Hai triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn chín trăm mười sáu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và được trừ vào tạm ứng. Như vậy, chị Lê Thị Điều N đã nộp xong.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã Gò Công;
- Chi cục thị xã Gò Công ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Ngoan

